



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
INTERNATIONAL AUDITING AND FINANCIAL CONSULTING COMPANY

Số 9, Lô 1A, Đường Trung Yên 1, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
No 9, Lot 1A, Trung Yen 1 Road, Trung Hoa, Cau Giay, Hanoi, Vietnam
Tel: + 84 (4) 378 32991 Fax: +84 (4) 378 32990
Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH
CÔNG TY MẸ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thái Bình	Chủ tịch
Ông Lê Văn Liêm	Phó chủ tịch
Ông Lê Hữu Phước	Thành viên
Ông Trần Cảnh Lạc	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Sứ	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Bình	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Phước Hồng	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 02 năm 2010



BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh - Công ty mẹ (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán được đề cập dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 của phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 27 tháng 5 năm 2009, Đại hội cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điện Tây Ninh đã quyết định giải thể công ty này do kinh doanh không hiệu quả. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 với số tiền là 851.456.684 đồng. Tuy nhiên chúng tôi không thu thập được bằng chứng để xác nhận khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần nước khoáng Ninh Điện Tây Ninh do cho đến thời điểm kiểm toán các thủ tục thanh lý, giải thể của công ty này vẫn chưa hoàn tất.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0748/KTV
Ngày 6 tháng 02 năm 2010

Nguyễn Thị Thanh Hoa
 Chứng chỉ KTV số 1402/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.828.907.120	32.784.594.300
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	3.025.713.680	8.573.171.224
1. Tiền	111		3.025.713.680	8.573.171.224
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.097.306.765	2.350.663.823
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.097.306.765	2.350.663.823
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.843.170.566	6.199.794.647
1. Phải thu khách hàng	131		1.867.565.825	1.897.606.058
2. Trả trước cho người bán	132		557.455.595	666.103.830
5. Các khoản phải thu khác	135	5	2.488.149.146	3.706.084.759
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(70.000.000)	(70.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	6	8.344.074.941	13.314.281.717
1. Hàng tồn kho	141		8.445.495.658	13.314.281.717
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(101.420.717)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.518.641.168	2.346.682.889
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		20.877.029	63.596.682
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53.269.712	15.514.930
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	2.444.494.427	2.267.571.277
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.475.846.514	51.792.067.263
I. Tài sản cố định	220		7.400.694.908	26.397.515.657
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	6.631.703.297	25.575.434.206
- Nguyên giá	222		17.421.570.876	51.471.670.102
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.789.867.579)	(25.896.235.896)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	225.000.000	225.000.000
- Nguyên giá	228		225.000.000	225.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		543.991.611	597.081.451
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		36.075.151.606	25.394.551.606
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	31.167.193.290	20.486.593.290
2. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh	252	11	5.709.415.000	5.709.415.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		50.000.000	50.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(851.456.684)	(851.456.684)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		68.304.753.634	84.576.661.563

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.206.044.080	16.030.214.112
I. Nợ ngắn hạn	310		7.934.530.113	11.767.237.895
2. Phải trả người bán	312		726.008.378	558.356.443
3. Người mua trả tiền trước	313		101.241.735	38.405.800
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	305.361.960	305.695.499
5. Phải trả người lao động	315		2.897.753.641	1.403.857.971
6. Chi phí phải trả	316		177.010.855	132.879.630
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	3.727.153.544	9.328.042.552
II. Nợ dài hạn	330		271.513.967	4.262.976.217
1. Phải trả dài hạn cho người bán	331		137.690.000	4.113.450.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		133.823.967	149.526.217
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		60.098.709.554	68.546.447.451
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	59.869.725.103	51.147.164.110
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.702.089.498	45.702.089.498
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.939.736.742	819.217.742
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		956.321.048	319.123.333
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.271.577.815	4.306.733.537
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		228.984.451	17.399.283.341
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		228.984.451	49.524.884
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	17.349.758.457
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		68.304.753.634	84.576.661.563



Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 02 năm 2010

[Signature]

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu	01		81.865.558.137	76.801.987.081
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10	16	81.865.558.137	76.801.987.081
4. Giá vốn hàng bán	11		70.562.461.772	64.818.372.624
5. Lợi nhuận gộp	20		11.303.096.365	11.983.614.457
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	15.486.102.990	10.425.961.519
7. Chi phí tài chính	22	18	9.840.466	1.031.033.525
8. Chi phí bán hàng	24		4.304.021.594	8.727.291.060
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.389.716.629	5.610.253.683
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.085.620.666	7.040.997.708
11. Thu nhập khác	31		208.660.570	532.282.829
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		208.660.570	532.282.829
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.294.281.236	7.573.280.537
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	303.535.421	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.990.745.815	7.573.280.537
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	3.061	1.657



Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 02 năm 2010

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	108.295.331.655	107.348.384.272
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(73.698.923.699)	(55.324.765.782)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.725.352.701)	(4.700.338.060)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.960.383)	(179.576.841)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	51.775.632.741	103.702.535.988
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(78.420.212.447)	(149.172.917.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.221.515.166	1.673.321.777
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(61.944.091)	(18.429.209)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác	22	-	21.722.116
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	80.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.528.000.000)	(1.124.100.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.261.040.000	4.658.221.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	671.095.909	3.617.413.907
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.000.000.000	8.500.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	(9.250.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.446.008.000)	(763.885.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.446.008.000)	(1.513.885.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(5.553.396.925)	3.776.850.684
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.573.171.224	4.792.924.143
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.939.381	3.396.397
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.025.713.680	8.573.171.224



Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 02 năm 2010

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 259/QĐ/UBND ngày 27 tháng 3 năm 2006 của UBND tỉnh Tây Ninh. Tiền thân của Công ty là Công ty Du lịch Tây Ninh thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 45030000065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 85 người (năm 2008: 154 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty là kinh doanh mua bán và thực hiện các dịch vụ liên quan đến nhà hàng, khách sạn, dịch vụ du lịch.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được quy định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính và các khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 24
Máy móc và thiết bị	4 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 14
Phương tiện vận tải	6 - 7

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và các khoản trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ (Tiếp theo)

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TIỀN**

	12/31/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	28.289.598	219.602.290
Tiền gửi ngân hàng	2.997.424.082	8.353.568.934
Cộng	3.025.713.680	8.573.171.224

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.265.419.000	3.457.516.000
Phải thu khác	222.730.146	248.568.759
Cộng	2.488.149.146	3.706.084.759

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	239.188.511	215.955.050
Công cụ, dụng cụ	2.351.184.484	2.032.019.484
Hàng hóa	5.854.024.987	11.065.209.507
Hàng gửi đi bán	1.097.676	1.097.676
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(101.420.717)	-
Cộng	8.344.074.941	13.314.281.717

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tạm ứng	420.432.728	387.956.885
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.713.032.332	1.568.585.025
Tài sản thiếu chờ xử lý	311.029.367	311.029.367
Cộng	2.444.494.427	2.267.571.277

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2009	37.742.949.618	5.897.629.186	478.059.197	4.997.583.295	2.355.448.806	51.471.670.102
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	17.714.285	17.714.285
Giảm trong kỳ (*)	(26.172.331.364)	(5.782.455.686)	(30.798.405)	(914.784.442)	(1.167.443.614)	(34.067.813.511)
Tại ngày 31/12/2009	11.570.618.254	115.173.500	447.260.792	4.082.798.853	1.205.719.477	17.421.570.876
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2009	17.733.009.091	3.715.506.044	387.523.232	2.444.382.189	1.615.815.340	25.896.235.896
Tăng trong kỳ	831.028.539	2.857.152	52.757.842	403.542.079	153.460.882	1.443.646.494
Giảm trong kỳ	(11.428.100.608)	(3.615.570.656)	(30.798.405)	(668.691.607)	(806.853.535)	(16.550.014.811)
Tại ngày 31/12/2009	7.135.937.022	102.792.540	409.482.669	2.179.232.661	962.422.687	10.789.867.579
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2009	20.009.940.527	2.182.123.142	90.535.965	2.553.201.106	739.633.466	25.575.434.206
Tại ngày 31/12/2009	4.434.681.232	12.380.960	37.778.123	1.903.566.192	243.296.790	6.631.703.297

(*) Trong năm giảm TSCĐ do bàn giao cho:

- Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh: góp vốn thành lập công ty
- Ban quản lý Khu di tích lịch sử văn hóa - Danh thắng và Du lịch Núi Bà Đen

(Theo quyết định số 1532/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Tây Ninh ngày 30 tháng 1 năm 2009)

VND
910.032.347
33.157.781.164
34.067.813.511

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng bao gồm nhà cửa vật kiến trúc: 639.076.579 đồng, máy móc thiết bị: 95.173.500 đồng, phương tiện vận tải: 602.787.831 đồng, thiết bị văn phòng: 248.961.445 đồng, tài sản cố định khác: 509.457.492 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất của khu nhà ở thuộc Khu dân cư phường 4, thị xã Tây Ninh.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2009 (VND)</u>
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Đen Tây Ninh	Tây Ninh	Dịch vụ du lịch	51,0%	24.931.910.430
Công ty CP Khách sạn và Lữ hành Tây Ninh	Tây Ninh	Dịch vụ du lịch	51,0%	3.707.282.860
Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	Tây Ninh	Dịch vụ du lịch	84,3%	2.528.000.000
Cộng				31.167.193.290

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động chính</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2009 (VND)</u>
Công ty CP Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh	Tây Ninh	Sản xuất nước khoáng	20,0%	2.000.000.000
Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh	Tây Ninh	Xây dựng cơ bản, sản xuất vật liệu xây dựng	36,3%	3.709.415.000
Cộng				5.709.415.000

12. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Số dư khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh. Đại hội cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh ngày 27 tháng 5 năm 2009 đã quyết định giải thể công ty này do kinh doanh không hiệu quả. Đến thời điểm kiểm toán, các thủ tục thanh lý, giải thể của công ty này vẫn chưa hoàn tất. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng khoản trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước khoáng Ninh Điền Tây Ninh đã phản ánh hợp lý tổn thất của khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	98.294.280
Thuế thu nhập doanh nghiệp	303.535.421	-
Thuế, phí và lệ phí khác	1.826.539	207.401.219
Cộng	305.361.960	305.695.499

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Cổ tức phải trả	-	5.149.708.500
Giá trị bao bì (vỏ chai) phải trả	2.171.803.429	1.859.770.151
Phải trả khác	1.555.350.115	2.318.563.901
Cộng	3.727.153.544	9.328.042.552

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

10B đường 30/4, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu số B 09-DN

5. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2008	45.702.089.498	782.600.000	194.000.000	4.153.398.575	50.832.088.073
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.573.280.537	7.573.280.537
Phân phối lợi nhuận	-	36.617.742	125.123.333	(161.741.075)	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(67.400.000)	(67.400.000)
Cổ tức đã chia	-	-	-	(6.626.804.500)	(6.626.804.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(564.000.000)	(564.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2008	45.702.089.498	819.217.742	319.123.333	4.306.733.537	51.147.164.110
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	13.990.745.815	13.990.745.815
Phân phối lợi nhuận	-	2.120.519.000	666.126.000	(2.786.645.000)	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	(63.000.000)	(63.000.000)
Giảm trong năm	-	-	(28.928.285)	-	(28.928.285)
Cổ tức đã chia	-	-	-	(4.341.699.500)	(4.341.699.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(834.557.037)	(834.557.037)
Tại ngày 31/12/2009	45.702.089.498	2.939.736.742	956.321.048	10.271.577.815	59.869.725.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.544.230.000	35.544.230.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.157.859.498	10.157.859.498
Cộng	45.702.089.498	45.702.089.498

Cổ phiếu

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	4.570.209	4.570.209
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	4.570.209	4.570.209
+ Cổ phiếu thường	4.570.209	4.570.209
Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.209	4.570.209
+ Cổ phiếu thường	4.570.209	4.570.209

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng hóa	75.134.079.044	68.519.748.733
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.731.479.093	8.282.238.348
Cộng	81.865.558.137	76.801.987.081

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	796.620.289	1.122.594.153
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.825.305.000	5.936.463.000
Lãi chênh lệch tỷ chưa thực hiện	6.568.719	6.940.738
Doanh thu cho thuê mặt bằng	3.596.409.088	3.359.963.628
Doanh thu hoạt động tài chính khác	261.199.894	-
Cộng	15.486.102.990	10.425.961.519

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí lãi vay	9.840.466	179.576.841
Chi phí tài chính khác	-	851.456.684
Cộng	9.840.466	1.031.033.525

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận trước thuế	14.294.281.236	7.573.280.537
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(10.825.305.000)	(5.936.463.000)
Thu nhập chịu thuế	3.468.976.236	1.636.817.537
Thuế suất	12,5%	0%
Thuế TNDN phải nộp	433.622.030	-
Thuế TNDN được miễn giảm trong kỳ (*)	130.086.609	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	303.535.421	-

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Năm 2009 là năm thứ 3 hoạt động của Công ty, do đó Công ty được giảm 50% thuế TNDN.

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm trong kỳ là số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính.

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.990.745.815	7.573.280.537
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.570.209	4.570.209
	3.061	1.657

21. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh	2.528.000.000	-

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lương và thưởng	618.380.960	729.119.592

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.



Nguyễn Thái Bình
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 02 năm 2010

Võ Phước Hồng
Kế toán trưởng